

TRÀM CHIM

Tiêu chí : A1, A3 & A4i

Tỉnh: Đồng Tháp
Tình trạng bảo vệ: Vườn Quốc gia
Vĩ độ: 10°44'N
Kinh độ: 105°31'E
Diện tích: 7.588 ha
Độ cao: 0-2 m so với mặt biển

**VCĐH / PVCDH:**

Không

Cảnh quan ưu tiên: LMF2 – Đất ngập nước tây bắc đồng bằng sông Cửu Long

Mô tả chung

VCQT này bao gồm toàn bộ diện tích của Vườn Quốc gia Tràm Chim và các vùng sinh cảnh tự nhiên liền kề đó ở đồng bằng sông Cửu Long, cách sông thị xã Cao Lãnh, tỉnh lỵ của Đồng Tháp 25 km về phía bắc. Khu vực này lưu giữ phần còn lại cuối cùng của hệ sinh thái Đồng Tháp Mười vốn đã từng một thời rộng đến khoảng 700.000ha¹. Địa hình của khu vực tương đối bằng phẳng, hơi dốc lên phía đông nam. Thực vật tại đây bao gồm các diện tích lớn trảng cỏ ngập nước theo mùa, rừng tràm đang tái sinh và các đầm trồng. Rừng tràm phân bố ở hầu khắp khu vực, cả rừng trồng và rải rác là các khoảnh rừng tự nhiên trong các vùng trảng cỏ hoặc đầm lầy. Nhiều quần thể lớn của các loài chim nước đã được phát hiện tại khu vực, đặc biệt, vào các tháng mùa khô, hàng ngàn con chim nước đến cư trú tại khu vực này¹.

Khu hệ chim: Những nét chính

Tràm chim rất nổi tiếng với quần thể Sếu cổ trụi *Grus antigone* đến sinh sống trong vườn quốc gia vào các tháng mùa khô¹, tuy nhiên, số lượng Sếu cổ trụi đang càng ngày càng giảm trong vài năm vừa qua². Số lượng Sếu cổ trụi ở Tràm Chim phụ thuộc rất nhiều vào cung cách quản lý nước của Vườn Quốc gia. Nếu tháo nước ở các vùng đất ngập nước giả như thủy chế tự nhiên, số lượng sếu tăng. Khi cố ý giữ nước cao, số lượng chim giảm do tầm thực vật cung cấp thức ăn cho chúng bị phá hủy. Khu hệ chim ở đây đã được khảo sát rất nhiều lần, trong đó có cả một chương trình giám sát các loài chim nước quan trọng do cán bộ vườn thực hiện từ năm 1988³. Đến nay, các chuyến khảo sát đã khẳng định sự có mặt của 10 loài đang hoặc gần bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu, tuy nhiên, không phải toàn bộ 10 loài này đều có phân bố thường xuyên tại khu vực với số lượng đáng kể. Ngoài ra, có hai loài chim được xác định là tập trung với số lượng lớn tại Tràm Chim là Mòng két mây trắng *Anas querquedula* và Mòng két *A. crecca*. Một chuyến khảo sát các vùng đất ngập nước ở đồng bằng sông Cửu Long đã xác định Tràm Chim có độ phong phú về khu hệ chim cao thứ hai trong tất cả các điểm nghiên cứu¹. Sự hiện diện của một trong những loài chim nhút nhát và hiếm gặp nhất chuyên sống ở các vùng đồng cỏ là Ô tác *Houbaropsis bengalensis* tại khu vực này đặc biệt có ý nghĩa trong khung cảnh hiện nay ở Việt Nam, do loài này chỉ có ghi nhận tại duy nhất một khu vực khác ngoài Tràm Chim là VCQT Hà Tiên. Một số loài chim của các vùng đất ngập nước đáng chú ý khác có ghi nhận là Vịt mào *Sarkidiornis melanotus*, Le khoang cổ *Nettapus coromandelianus*, Nhát hoa *Rostratula benghalensis* và Gà lôi nước *Hydrophasianus chirurgus*¹.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng bị đe dọa	VCQT khác	Ghi chú
Ô tác <i>Houbaropsis bengalensis</i>	A1, A3	EN	1	Thường xuyên được ghi nhận với số lượng ít trong những năm 1990, số đếm cao nhất là 4 con vào tháng 1-3/1990 ^{4,5} . Trong chuyến điều tra năm 1999, dân địa phương khẳng định Ô tác sinh sản tại đây, do họ đã bắt được con non và 4 quả trứng của loài này. Một số người rất quen thuộc với hình dáng và tập tính bay của loài ¹ . Một nhân viên vườn cũng khẳng định đã nhìn thấy trứng của loài này.
†Cò thìa mặt đen <i>Platalea minor</i>	A1	EN	8	Một cá thể được quan sát và chụp ảnh vào tháng 1/1994, ngay bên ngoài VCQT ² . Khu vực này không có vẻ là nơi thường xuyên có một số lượng đáng kể của loài.
†Gà dầy lớn <i>Leptoptilos dubius</i>	A1	EN	0	Đã có ghi nhận vào tháng 3/1998 ³ và một cá thể được ghi nhận khi kiểm ăn dọc khe vào tháng 12/1992 ⁶ . Không có ghi nhận nào khác kể từ đó. Khu vực này không có vẻ là nơi thường xuyên có một số lượng đáng kể của loài.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng bị đe dọa	VCQT khác	Ghi chú
Sếu cổ trụi <i>Grus antigone</i>	A1, A4i	VU	4	Việc đếm thường xuyên được tiến hành từ năm 1988, số đếm cao nhất là 1.052 cá thể năm 1988, 665 năm 1989, 741 năm 1990, 814 năm 1991, 365 năm 1992, 187 năm 1993, 271 năm 1994, 302 năm 1995, 631 năm 1996, 511 năm 1997, 503 năm 1998 và 469 năm 1999 ⁵ . Tuy nhiên, số lượng chim càng ngày càng giảm, thấp nhất là 48 cá thể vào năm 2001 và khoảng 150 cá thể vào tháng 5/2002 ² .
†Đại bàng đen <i>Aquila clanga</i>	A1	VU	2	Các cá thể đơn lẻ vẫn được quan sát từ năm 1998 đến 1994 và 2/1997 ^{3,4} . Khu vực này không có vẻ là nơi thường xuyên có một số lượng đáng kể của loài.
[Bồ nông chân xám <i>Pelecanus philippensis</i>]	A1	VU	7	Có một ghi nhận chưa chắc chắn vào tháng 1/1989 ⁷ . Nếu thật sự có ghi nhận loài này tại đây, thì có lẽ chỉ là bay qua.
Già đẫy Java <i>Leptoptilos javanicus</i>	A1	VU	7	Đây là loài không sinh sản tại khu vực này. Thường xuyên được ghi nhận từ năm 1988, con số ghi nhận cao nhất là 51 cá thể vào năm 1999 ⁴ .
Điêng điêng <i>Anhinga melanogaster</i>	A1	NT	9	Loài sinh sản tại VCQT ⁴ . Trong năm 1999, số đếm được cao nhất là 141 cá thể ⁴ .
Quắm đầu đen <i>Threskiornis melanocephalus</i>	A1	NT	8	Đây là loài di cư hiếm gặp tại khu vực ¹ .
Giang sen <i>Mycteria leucocephala</i>	A1	NT	10	Là loài di cư thường xuyên đến khu vực trong mùa không sinh sản ¹ . Tháng 1/1994, ít nhất 92 cá thể, và có thể đến 150 (cả rất nhiều con non), được quan sát ngay bên ngoài Tràm Chim. Số đếm cao nhất năm 1999 là 207 cá thể và năm 2000 là hơn 140 ⁴ .
Rồng rộc vàng <i>Ploceus hypoxanthus</i>	A1	NT	3	Một đàn khoảng 20 cá thể được ghi nhận vào năm 1999 ¹ . Đây cũng là năm đầu tiên có ghi nhận về loài này ⁴ . Từ năm 1999, loài này hình thành một tập đoàn sinh sản với số lượng cá thể tăng hàng năm.
Mồng két mày trắng <i>Anas querquedula</i>	A4i		0	Vào mùa đông 1992/93, 20.000 cá thể đã được ghi nhận ¹ .
Mồng két <i>Anas crecca</i>	A4i		0	Vào mùa đông 1989/90, 10.000 đã được ghi nhận ¹ .

Chú thích: [] = ghi nhận chưa khẳng định; † = chưa khẳng định thường xuyên phân bố với số lượng đáng kể.

Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học: Khu vực này đáp ứng tiêu chí A3 do là nơi cư trú của một loài chỉ phân bố trong đơn vị địa sinh học Đồng bằng Indo-Gangetic (Biome 12). Xem Phụ lục 4 để biết thêm chi tiết.

Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn

Không có thông tin về loài đang được quan tâm bảo tồn nào khác được ghi nhận tại khu vực.

Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học

Xung quanh Tràm Chim là vùng đất nông nghiệp rộng lớn và do đó sức ép của con người ở vùng này rất cao. Mặc dù đã được công nhận là Vườn Quốc gia, săn bắn, đánh thuốc độc, đánh bắt cá trộm, thu hái củi và chăn thả gia súc trong vườn vẫn được xác định là mối đe dọa chính với công tác bảo tồn tại Tràm Chim^{1,8}. Năm 2000, Ban Quản lý Vườn Quốc gia đã cho phép đào 6 con kênh bên trong vườn, việc xây dựng này có thể làm vỡ các sinh cảnh tự nhiên và làm thay đổi thủy chế. Đáng mừng là, việc xây dựng này đã phải ngừng lại khi mới có 2 con kênh được đào xong.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Thâm canh nông nghiệp	• •
Nhiều loạn đối với các loài chim	• • •
Xây dựng đê bao, kè, đập	• •
Đào kênh mương	• •
Săn bắn	• •
Phát triển cơ sở hạ tầng	• •
Khác	• • •

Yếu tố quan trọng nhất trong việc đảm bảo giữ được các sinh cảnh phù hợp cho loài này là cần có biện pháp quản lý thủy văn thích hợp cho khu vực. Trong những năm 1990, mực nước trong khu vực thường được giữ rất cao một cách không tự nhiên trong cả năm dẫn đến những thay đổi về thảm thực vật, đặc biệt là việc chết cây mầm của năng nĩ *Eleocharis ochrostachys*, thức ăn chính của Sếu cổ trụi. Tuy nhiên, sau khi áp dụng chế độ quản lý nước mới từ năm 2000 đến 2001, thảm thực vật tự nhiên đã hồi phục một cách rõ rệt. Có thể hy vọng việc quản lý mực nước phù hợp như vậy sẽ làm tăng số lượng quần thể của sếu ở Tràm Chim.

Cuối cùng, sự xâm lấn của loài cây ngoại lai là Ma dương *Mimosa pigra* cũng là một trong những mối đe dọa chính đến tính đa dạng sinh học của Tràm Chim. Diện tích cây *M. pigra* tăng gấp đôi mỗi năm trong ba năm qua và đến nay đã chiếm đến 2.000 ha những vùng một thời là các trảng cỏ ngập nước theo mùa¹¹.

Các hoạt động bảo tồn

- Tràm Chim được Chính phủ quyết định là vườn quốc gia ngày 29 tháng 12 năm 1998⁸.
- Quỹ Bảo tồn Sếu Quốc tế đã có các hoạt động tích cực tại Tràm Chim từ năm 1988, Quỹ đã xây dựng một hệ thống cống tưới tiêu phối hợp với Ban Quản lý Vườn Quốc gia xây dựng một kế hoạch quản lý cho vườn⁸.
- Vườn Quốc gia Tràm Chim là một trong các điểm trình diễn của dự án GEF cỡ lớn có tên Dự án Bảo tồn Đa dạng Sinh học và Quản lý Bền vững vùng Hạ lưu sông Mê Kông, hiện đang được IUCN thực hiện⁸.

Kiến nghị

- Tràm Chim đáp ứng các tiêu chí để được công nhận khu vực có tầm quan trọng quốc tế đối với công tác bảo tồn đất ngập nước theo Công ước Ramsar, và do đó cần được công nhận là một khu Ramsar¹.
- Khu vực này không nên chỉ quản lý một cách có lợi cho Sếu cổ trụi nếu các biện pháp quản lý có thể gây tổn hại đến các sinh cảnh hoặc loài quan trọng khác, cũng như đến tính toàn vẹn của hệ sinh thái khu vực¹.
- Cần kiểm soát hiệu quả việc săn bắn, đánh cá trộm và chăn thả gia súc bên trong vườn quốc gia.
- Cần ngăn chặn sự lây lan hơn nữa của *Mimosa pigra* tại khu vực và cần tìm cách loại bỏ loài này ngay khỏi các vùng đã bị xâm lấn.

Tài liệu tham khảo

1. Buckton, S. T., Nguyễn Cử, Nguyễn Đức Tú và Hà Quý Quỳnh (1999) *Bảo tồn các vùng đất ngập nước quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam.
2. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.
3. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.
4. J. Barzen *in litt.* 2002.
5. Baltzer, M. C., Nguyen Thi Dao, and Shore, R. G. eds (2001) *Towards a vision for biodiversity conservation in the forests of the lower Mekong Ecoregion complex – Technical Annex*. WWF Indochina/ WWF US, Hanoi and Washington D.C.
6. Eames, J. C. (1995) The Bengal Florican *Eupodotis bengalensis* in Indochina. *Forktail* 11:36-46.
7. Birdlife International (2001) *Threatened birds of Asia: the Birdlife International Red Data Book*. Cambridge, UK: Birdlife International.
8. Robson, C. R. (1993) From the field. *OBC Bulletin* 17: 49-53.
9. Miyabayashi, Y. and Mundkur, T. (1999) *Atlas of key sites for Anatidae in the East Asian Flyway*. Tokyo and Kuala Lumpur: Wetlands International.
10. BirdLife International và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (2001) *Sách thông tin về các khu bảo vệ hiện có và đề xuất tại Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng.
11. Tran Triet *in litt.* 2002.



Sếu cổ trụi *Grus antigone*